

Số: 72/2026/QĐST-HNGĐ

Ninh Bình, ngày 18 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 74/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A sinh ngày 09/11/1976; số căn cước công dân 0011760065xx ngày cấp 09/02/2021 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ tổ dân phố V, phường T, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Đoàn Ngọc M sinh ngày 15/06/1979; số căn cước công dân 0370790018xx ngày cấp 08/06/2022 nơi cấp cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ xóm 3 K, xã P, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08/5/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị A và anh Đoàn Ngọc M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị A và anh Đoàn Ngọc M có một con chung là cháu Đoàn Minh A1 sinh ngày 09/11/2020. Chị A và anh M thỏa thuận giao cháu An cho chị A nuôi dưỡng cho đến khi cháu A1 đủ 18 tuổi; chị A không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con cho chị A và chị A cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cháu A1.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2. Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị A và anh Đoàn Ngọc M đều không yêu cầu Toà án giải quyết; vợ chồng không vay nợ ai tài sản gì.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị A và anh Đoàn Ngọc M thỏa thuận, chị A chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001168 ngày 16/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình; chị A được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND Khu vực 4 - Ninh Bình.
- THADS tỉnh Ninh Bình.
- UBND phường T, Hà Nội
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Văn Lực